

THÔNG BÁO

V/v hủy lớp học phần không đủ số lượng sinh viên theo quy định (Đợt 1)

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-ĐHNT ngày 13/8/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Thông báo số 483/TB-ĐHNT, ngày 23/6/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc xây dựng Thời khóa biểu học kỳ I năm học 2022-2023.

Căn cứ tình hình thực tế sinh viên đăng ký học phần theo Thông báo số 657/TB-ĐHNT, ngày 23/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc xác nhận đăng ký học phần học kỳ I năm học 2022-2023.

Nhà trường thông báo hủy 58 lớp học phần do không đủ số lượng theo quy định, cụ thể danh sách trong bảng sau:

Stt	Lớp học phần	Mã học phần	Tên học phần	TC	Sĩ số SVĐK	Họ tên GV	Số lớp HP đã được mở
1.	NGAB1101	FLS3064	Tiếng Nga (B1.1)	4	2	Phan Minh Đức	1
2.	61.KDTM-2	TRE328	Kinh doanh quốc tế	2	3	Bùi Thu Hoài	1
3.	HANA2103	FLS3066	Tiếng Hàn (A2.1)	4	4	Kwoun YoungMin	4
4.	61.CNXD-1	CIE368	Động lực học công trình	2	4	Trương Thành Chung	1
5.	PHAPA1101	FLS3053	Tiếng Pháp (B1.1)	4	5	Nguyễn Duy Sự	1
6.	61.KDTM-2	FIB320	Thanh toán quốc tế	2	5	Huỳnh Thị Như Thảo	1
7.	HANA2102	FLS3066	Tiếng Hàn (A2.1)	4	6	Guen Gyong Lee	4
8.	62.CNTP-1	FOT351	Tin học ứng dụng trong công nghệ thực phẩm	3	7	Mai Thị Tuyết Nga	1
9.	TAB1221	FLS315	Tiếng Anh B1.2	4	7	Bùi Thị Ngọc Oanh	21
10.	62.DDT-2	ELA347	Kỹ thuật truyền số liệu	2	7	Hoàng Thị Thom	2
11.	HANA2104	FLS3066	Tiếng Hàn (A2.1)	4	8	Kwoun YoungMin	4
12.	TRUNGA2101	FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4	8	Phạm Thị Minh Châu	4
13.	63.DDT-2	SOT316	Ngôn ngữ lập trình C/C++	2	9	Bùi Thị Hồng Minh	1

Stt	Lớp học phần	Mã học phần	Tên học phần	TC	Sĩ số SVĐK	Họ tên GV	Số lớp HP đã được mở
14.	63.CNOT-3	SSH383	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	9	Lê Thị Tường	11
15.	TRUNGA2202	FLS396	Tiếng Trung (A2.2)	4	10	Phạm Thị Minh Châu	4
16.	HANA102	FLS3049	Tiếng Hàn (A1)	4	11	Yun Jeoung Joo (Julie)	3
17.	TAB1119	FLS314	Tiếng Anh B1.1	4	11	Trần Thị Thu Trang	22
18.	61.TTQL	AUD346	Hệ thống thông tin kế toán	3	11	Bùi Mạnh Cường	1
19.	PHAPA2101	FLS3051	Tiếng Pháp (A2.1)	4	12	Nguyễn Duy Sự	1
20.	TRUNGA2102	FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4	12	Phạm Thị Minh Châu	4
21.	TRUNGA2103	FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4	12	Nguyễn Thị Diệu Phương	4
22.	63.NNA-6	FLS382	Nghe 3	2	13	Nguyễn Phan Quỳnh Thu	7
23.	TRUNGA2104	FLS395	Tiếng Trung (A2.1)	4	13	Nguyễn Thị Diệu Phương	4
24.	61.KT-4	AUD340	Kiểm toán 2	2	14	Nguyễn Thị Thanh Hà	4
25.	61.KT-1	AUD349	Kế toán quản trị	3	14	Nguyễn Tuấn	6
26.	61.KDTM-2	BUA358	Quản trị rủi ro	3	14	Nguyễn Thị Hồng Đào	1
27.	61.NNA-8 (Giảng dạy TA)	FLS3507	Tiếng Anh thương mại	2	15	Bùi Văn Anh	6
28.	TAB1122	FLS314	Tiếng Anh B1.1	4	15	Võ Tú Phương	22
29.	PHAPB1201	FLS3054	Tiếng Pháp (B1.2)	4	16	Nguyễn Duy Sự	1
30.	62.QTKD-2	BUA346	Quản trị nguồn nhân lực	3	16	Hoàng Thu Thủy	6
31.	62.CNTP-1	FOT377	Tiếng Anh chuyên ngành (Công nghệ thực phẩm)	3	17	Nguyễn Văn Tặng	1
32.	61.NNA-8	TRI323	Văn học Anh	2	17	Đặng Kiều Diệp	8
33.	61.KT-4	AUD349	Kế toán quản trị	3	17	Nguyễn Thành Cường	6
34.	62.QTKD-3	BUA346	Quản trị nguồn nhân lực	3	17	Nguyễn Thị Hồng Đào	6
35.	63.CBTS	REE346	Kỹ thuật nhiệt	3	19	Khổng Trung Thắng	3
36.	61.KDTM-2	BUA364	Quản trị chiến lược	3	21	Võ Đình Quyết	1
37.	63.CNHH	SSH383	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	23	Hà Thị Hải Yến	10
38.	63.QTKD-1	ENE318	Môi trường và phát triển	2	23	Ngô Thị Hoài Dương	6
39.	63.CNMT	REE321	Kỹ thuật nhiệt	2	24	Nguyễn Hữu Nghĩa	4
40.	61.KT-4	ACC372	Tiếng Anh chuyên ngành (Kế toán)	3	24	Nguyễn Thị Thùy Trang	4

Stt	Lớp học phần	Mã học phần	Tên học phần	TC	Sĩ số SVĐK	Họ tên GV	Số lớp HP đã được mở
41.	61.KT-4	ACC369	Tổ chức hạch toán kế toán	2	26	Võ Thị Thùy Trang	4
42.	61.KT-4	AUD362	Hệ thống thông tin kế toán 3	2	26	Ngô Xuân Ban	4
43.	63.QTKD-3	ECS330	Kinh tế vĩ mô	3	26	Cao Thị Hồng Nga	10
44.	62.MARKT-2	ECS335	Marketing căn bản	3	26	Nguyễn Thị Nga	12
45.	61.KT-3	ACC372	Tiếng Anh chuyên ngành (Kế toán)	3	28	Nguyễn Thị Thùy Trang	4
46.	61.NTTS-1	EPM389	Ô nhiễm môi trường nước	2	29	Nguyễn Văn Quỳnh Bôi	1
47.	61.KT-1	AUD367	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	29	Nguyễn Thị Hồng Nhung	4
48.	63.MARKT-3	SSH383	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	30	Nguyễn Thị Ý Vy	11
49.	61.QTKD-2	BUA318	Quản trị hệ thống thông tin	3	31	Võ Đình Quyết	5
50.	63.KT-3	SSH378	Tư duy phản biện	3	31	Đặng Trung Thành	22
51.	63.QTKS-2	TOM3004	Du lịch văn hóa	3	31	Nguyễn Thị Thu	2
52.	62.QTKD-4	BUA347	Quản trị sản xuất	4	32	Lê Đức Tâm	4
53.	63.KT-1	ECS361	Marketing căn bản	2	34	Lê Phúc Loan	2
54.	63.MARKT-1	SSH383	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo	2	34	Nguyễn Thị Dung	11
55.	61.KT-2	ACC371	Kế toán ngân hàng	2	35	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	7
56.	63.KT-2	SSH378	Tư duy phản biện	3	35	Đặng Trung Thành	22

Lưu ý: Thời gian đăng ký đợt 2 bắt đầu từ ngày 08/9/2022-15/9/2022, sinh viên những lớp bị hủy trên sẽ điều chỉnh sang các nhóm lớp học phần khác hoặc lựa chọn đăng ký học những học phần tự chọn cùng nhóm.

Đề nghị khoa/viện đào tạo thông báo tới giảng viên, cố vấn học tập và sinh viên biết để thực hiện.

Nơi nhận:

- Các khoa/viện đào tạo;
- CVHT, SV;
- Lưu: VT, ĐTDH.

K.T. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Quách Hoài Nam